

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 3 – 2024
V/v trA chấp ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đam D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “trA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim A, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp ThA T, xã ThA T, Huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp ThA T, xã ThA T, Huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Lê Kim A trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Chị Lê Kim A và anh Hồ Văn M chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Kim A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Quá trình chung sống chị A và anh M có 02 con chung gồm: Hồ Gia H, sinh năm 2003 và Hồ Thuý Nh, sinh ngày 28/4/2006. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi Thuý Nh, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; đối với Gia H đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A sẽ tự thoả thuận phân chia với anh M, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chị A xác định không có.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Văn M trình bày:*

Về hôn nhân anh M đồng ý ly hôn với chị A; phần con chung đối với Thuý Nh có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung giữa anh và chị A sẽ tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung anh M xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Kim A và anh Hồ Văn M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Kim A thấy rằng: Chị A và A M chung sống không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị A và anh M không được pháp luật thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và A M là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung qua xem xét nguyện vọng của Thuý Nh thể hiện Thuý Nh có nguyện vọng được sống cùng chị Kim A. Như vậy, yêu cầu của chị Kim A phù hợp với nguyện vọng của Thuý Nh do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim A, giao Thuý Nh cho chị Kim A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Kim A và anh M không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Kim A và A M tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Kim A và A M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Kim A phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Kim A và Hồ Văn M.

2. Về con chung: Giao Hồ Thuý Nh, sinh ngày 28/4/2006 cho chị Lê Kim A tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Thuý Nh đủ 18 tuổi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Hồ Văn M có quyền và nghĩa vụ, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Kim A phải chịu là 300.000 đồng. Chị Kim A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000719 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đầm D, chị Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Hện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự Hện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

